TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:25/2018/ HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 6 năm 2018
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Tăng Trần Quỳnh Phương**

Các hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Nguyễn Thị Bích Tuyền.**

2- Ông **Lê Tuấn Kiệt.**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Bùi Công Bằng**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu: Bà **Trần Mỹ Linh**– Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: F160 Đường số 9, khu dân cư Tr, khóm M, phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: F160 Đường số 9, khu dân cư Tr, khóm M, phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Địa chỉ: số 34A-34B, Hàn THên, phường Ph, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Quốc Đ** (văn bản ủy quyền ngày 23/3/2018).

- Ngân hàng thương mại cổ phần Ng.

Địa chỉ: số 198, Trần Quang Khải, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Văn D** (văn bản ủy quyền ngày 28/3/2018).

- Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1956

Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2017, quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn trong vụ án trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà với ông Nguyễn Văn V tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật vào năm 2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2015 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp tính tình; chồng bà hay ghen, không tin tưởng bà. Thực tế bà và ông V nhiều lần cãi vả dẫn đến xô xát và đã sống ly thân hơn 06 tháng. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông V.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 17/3/2011 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 06/10/ 2013 (hiện cả hai cháu đang sống cùng bà N). Khi ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con, yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/cháu/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, tại phiên tòa hôm nay bà N yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật,

- Về tài sản chung: Bà N và ông V thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng bà có các khoản nợ chung sau:

+Nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 72.960.000đ. Số tiền này ngày 11/4/2018 bà đã thanh toán xong cho Ngân hàng thương mại cổ phần V.

+Nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Ng số tiền 347.600.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 449/NOXH/VCB.BLI.16 ngày 30/3/2016. Đối với số nợ này giữa bà N, ông V và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam đã thống nhất tự thỏa thuận được vấn đề trả nợ nên khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nợ chung này.

** Quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn V là bị đơn trình bày*:

-Về hôn nhân: Năm 2009 ông và bà Nguyễn Thị N tự nguyện chung sống vợ

chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng từ năm 2015 thì có phát sinh mâu thuẫn do ông hiểu lầm là bà N có quan hệ với người khác. Trong lúc vợ chồng cãi nhau do nóng giận nên cả hai có xô xát qua lại. Ông thừa nhận lỗi của mình, sẽ cố gắng sửa đổi. Nay ông xác định bản thân ông còn thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Trong thời gian chung ông và bà N có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 17/3/2011 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 06/10/ 2013 (hiện cả hai cháu đang sống cùng bà N). Nếu phải ly hôn, ông V đồng ý để bà N nuôi hai con chung, nhưng ông V chỉ đồng ý cấp dưỡng mỗi cháu 700.000đ/tháng/cháu, không đồng ý với việc bà N yêu cầu cấp dưỡng 3.000.000đ/cháu/tháng.

- Về tài sản chung : Nếu phải ly hôn ông và bà N sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ kiện này.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng ông có các khoản nợ chung sau:

+Nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 72.960.000đ. Số tiền này vợ ông đã thanh toán xong cho Ngân hàng thương mại cổ phần V.

+Nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Ng số tiền 347.600.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 449/NOXH/VCB.BLI.16 ngày 30/3/2016. Đối với số nợ này giữa vợ chồng ông và Ngân hàng thương mại cổ phần Ng đã thống nhất tự thỏa thuận được vấn đề trả nợ nên khi ly hôn ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nợ chung này.

** Quá trình giải quyết vụ kiện ông Phạm Quốc Đ là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần V – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày*:

Ngày 27/3/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần V có yêu cầu độc lập yêu cầu ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị N thanh toán số nợ còn lại theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 420-26/16/VAB/HĐTDHCN ngày 12/10/2016 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2018 là 65.017.893 đồng (gồm nợ gốc: 64.640.000 đồng và nợ lãi: 377.893 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/3/2018 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Để đảm B cho khoản vay này ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị H đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần V quyền sử dụng diện tích 5.200m^2 đất thuộc thửa đất số 0613, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Diện tích đất nêu trên đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W244477/QSDD ngày 20/11/2002 cho ông Trần Văn B. Trong trường hợp ông V và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng thương mại cổ phần V thì Ngân hàng thương mại cổ phần V yêu cầu phát mãi tài sản B đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên đến ngày 11/4/2018, bà N và ông V đã thanh toán xong toàn bộ số nợ nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần V. Ngày 22/5/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần V đã nộp đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi nợ trong vụ kiện này.

Vì vậy, trong vụ án ly hôn giữa bà N và ông V thì Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nợ chung.

* Quá trình giải quyết vụ kiện ông Lê Văn D là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Ng– người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:

Ngày 30/3/2016, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Ng –Chi nhánh Bạc Liêu với bà Nguyễn Thị N có ký kết Hợp đồng tín dụng số 449/NOXH/VCB.BLI.16, theo đó Ngân hàng thương mại cổ phần Ng cho bà N vay 396.000.000đ, mục đích vay là thanh toán tiền mua nhà ở xã hội; tài sản B đảm cho khoản vay là nhà ở tại khu dân cư Tr, phường B, thành phố B thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn V. Tính đến ngày 27/3/2018, bà N còn nợ lại Ngân hàng thương mại cổ phần Ng số tiền là 347.696.862d trong đó nợ gốc 347.600.000đ và nợ lãi là 96.862đ.

Đối với số nợ nêu trên thì giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Ng và bà N, ông V đã tự thống nhất thỏa thuận được về việc thanh toán nợ nên Ngân hàng thương mại cổ phần Ng không có yêu cầu khởi kiện đòi nợ trong vụ kiện này.

*Quá trình giải quyết vụ kiện, ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Trước đây ông B và bà H có thế chấp quyền sử dụng diện tích đất 5.200m^2 thuộc thửa đất số 0613, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu để bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 420-26/16/VAB/HĐTDHCN ngày 12/10/2016 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị N. Hiện nay, ông B và bà H đã được nhận lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất thế chấp do bà N và ông V đã thanh toán xong nợ cho Ngân hàng. Đối với vụ kiện ly hôn giữa bà N và ông V thì ông B và bà H không có ý kiến gì.

** Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B , tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy B đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Bà N và ông V chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật B vệ. Bà N và ông V xác định có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cải vã. Từ tháng 11/2017 cho đến nay, bà N, ông V đã sống ly thân. Nay bà N xin ly hôn, ông V không đồng ý ly hôn tuy nhiên thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông V đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu của bà N xin ly hôn với ông V.

+ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 17/3/2011 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 06/10/ 2013 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Đề nghị Tòa án xem xét mức cấp dưỡng cho mỗi cháu theo qui định pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Bà N và ông V thống nhất xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét tại phiên tòa hôm nay.

+ Về nợ chung: Ngân hàng thương mại cổ phần V đã rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập và Ngân hàng thương mại cổ phần Ng không có yêu cầu đòi nợ trong vụ kiện này nên không đặt ra xem xét giải quyết vấn đề nợ chung trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đương sự; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn Văn V nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Nguyễn Văn V có địa chỉ tại khóm 1, phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị H, Ngân hàng thương mại cổ phần V, Ngân hàng thương mại cổ phần Ng có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị H, Ngân hàng thương mại cổ phần V, Ngân hàng thương mại cổ phần Ng theo qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự là phù hợp

[3] Về nội dung vụ kiện:

[3.1] Về hôn nhân: Bà N và ông V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2009 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật B vệ. Xét việc bà N yêu cầu ly hôn cũng như việc ông V không đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng ông V, bà N đều thống nhất xác định giữa vợ chồng đã có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi vả và có xảy ra xô xát. Thực tế là từ hơn ½ năm nay bà N, ông V đã sống ly thân. Từ đó có thể thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là có xảy ra trên thực tế, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, xử cho bà N được ly hôn với ông V.

[3.2] Về con chung: Bà N và ông V thống nhất trong thời gian chung sống ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 17/3/2011 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 06/10/2013 (hiện 02 cháu đang sống cùng bà N). Khi ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu, yêu cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật. Trường hợp nếu phải ly hôn ông V đồng ý giao 02

con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục tuy nhiên ông V chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức là 700.000đ/tháng/cháu. Đối việc ông V đồng ý giao 02 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với qui định pháp luật nên được ghi nhận. Đối với việc bà N yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật cũng như việc ông V chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con 700.000đ/tháng/cháu, Hội đồng xét xử thấy rằng cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung và mức cấp dưỡng không được thấp hơn ½ mức lương tối thiểu. Mức lương tối thiểu tại thời điểm hiện tại là 1.300.000đ. Do đó, có cơ sở buộc ông V phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi cháu là 700.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[3.3] Về tài sản chung: Bà N và ông V thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

[3.4] Về nợ chung:

Đối với khoản nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V: Ngày 22/5/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần V rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ yêu cầu độc lập số 37/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/5/2018 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết tại phiên tòa hôm nay đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Đối với khoản nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Ng: Bà N, ông V và Ngân hàng thương mại cổ phần Ng đã thống nhất tự thỏa thuận được về việc thanh toán nợ. Ngân hàng thương mại cổ phần Ng không có yêu cầu đòi nợ trong vụ kiện này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

[4] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn V nên bà N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 17/3/2011 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 06/10/2013 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục (hiện cả hai cháu đang sống cùng bà N). Ông Nguyễn Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Kể từ tháng 7/2018, hàng tháng ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 700.000 đồng/cháu/ tháng cho đến khi cháu Nguyễn Gia B đủ 18 tuổi và cháu Nguyễn Gia H đủ 18 tuổi.

3/. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn V thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

4/. Về nợ chung:

Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn V và Ngân hàng thương mại cổ phần Ng đã thống nhất tự thỏa thuận được về việc thanh toán nợ, không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

5/. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà N đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008425 ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, nay được cHển thu án phí.

Ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP.B;
- THA TP.B;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng kí kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

Tăng Trần Quỳnh Phương